

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủỷ lợi Sông Nhuệ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủỷ lợi Sông Nhuệ là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ: Công ty Thủỷ Lợi Sông Nhuệ theo quyết định số 2125/QĐ-UBND Ngày 13 tháng 05 năm 2010 của UBND Thành phố Hà Nội và được sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500237857 ngày 18 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 17 tháng 01 năm 2020.

Vốn điều lệ: **2.155.000.000.000 VND (Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ đồng chẵn.)**

Trụ sở Công ty: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
- *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
- *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
- *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
- *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
- *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch Công ty (Bổ nhiệm ngày 23/12/2019)
Ông Trần Thanh Toàn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2021)
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)
Ông Nguyễn Huy Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)
Ông Ngô Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủỷ lợi Sông Nhuệ có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông,
Thành phố Hà Nội

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủỷ lợi Sông Nhuệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Vũ Mạnh Hùng

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2022

Số: /2022/ASEAN/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI
SÔNG NHUỆ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thuỷ lợi Sông Nhuệ, được lập ngày 07 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế về phạm vi, chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của khoản mục tiền, số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thuỷ lợi Sông Nhuệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Mai Việt Thắng
Phó Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3421-2020-176-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2022

Bùi Đình Đạt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2471-2019-176-1

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.957.109.999	92.229.803.006
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.581.015.936	11.432.311.706
1. Tiền	111		6.581.015.936	11.432.311.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.723.363.494	80.283.835.671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	110.175.250.073	71.743.780.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	174.401.086	164.853.836
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.537.897.535	8.539.386.177
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(164.185.200)	(164.185.200)
IV. Hàng tồn kho	140		594.176.319	455.101.379
1. Hàng tồn kho	141	V.6	594.176.319	455.101.379
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.554.250	58.554.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	34.272.585	34.272.585
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	24.281.665	24.281.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.780.001.485.645	1.762.974.837.091
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.780.001.485.645	1.753.450.427.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.780.001.485.645	1.753.450.427.052
<i>Nguyên giá</i>	222		1.888.038.285.832	1.864.935.977.252
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(108.036.800.187)	(111.485.550.200)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	9.524.410.039
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	-	9.524.410.039
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.904.958.595.644	1.855.204.640.097

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (*tiếp theo*)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	106.186.408.266✓	78.572.303.342✓
I. Nợ ngắn hạn	310	105.686.408.266	78.572.303.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.10	49.852.000.374	38.167.233.490
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.11	64.142.775	58.573.831
4. Phải trả người lao động	314	29.079.194.141	22.366.033.902
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.12	751.686.867	2.785.168.867
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.13	19.948.082.736	8.258.294.249
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.14	-	4.935.276.800
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.991.301.373	2.001.722.203
II. Nợ dài hạn	330	500.000.000	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	500.000.000	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.798.772.187.378✓	1.776.632.336.755✓
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.15	1.798.772.187.378	1.776.632.336.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.612.932.708.352	1.580.725.457.690
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.228.014.450	1.431.182.170
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	180.611.464.576	194.475.696.895
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.904.958.595.644	1.855.204.640.097✓

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 07 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

Lê Thị Hiền Hường

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	180.751.952.224 ✓	179.320.545.463 ✓
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		180.751.952.224 ✓	179.320.545.463 ✓
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	158.157.154.512 ✓	153.585.289.500 ✓
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.594.797.712 ✓	25.735.255.963 ✓
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.182.752.895	24.965.174
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	299.003.148	250.504.170
Trong đó: chi phí lãi vay	23		299.003.148	250.504.170
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.141.475.634	17.128.160.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.337.071.825	8.381.556.363
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	273.471.640	241.181.786
13. Lợi nhuận khác	40		(273.471.640)	(241.181.786)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.063.600.185	8.140.374.577
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	49.503.135	23.222.419
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.014.097.050</u> ✓	<u>8.117.152.158</u> ✓

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền Hường

Lập ngày 07 tháng 02 năm 2022

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148.267.857.118	153.185.454.857
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(57.484.493.100)	(50.341.070.149)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(61.273.888.572)	(62.328.663.826)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(299.003.148)	(250.504.170)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(26.539.907)	(31.587.306)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.578.193.828	4.482.212.601
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.703.734.573)	(46.863.550.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.391.646	(2.147.708.935)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.589.384	24.965.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.589.384	24.965.174
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.519.461.200	14.531.156.100
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.454.738.000)	(9.595.879.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.935.276.800)	4.935.276.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.851.295.770)	2.812.533.039
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.432.311.706	8.619.778.667
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.581.015.936	11.432.311.706

Lập ngày 07 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch



Lê Thị Hiền Hường

Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬT

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên là Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ

1. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, xây dựng và dịch vụ

2. Ngành nghề kinh doanh:

- *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
- *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
- *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
- *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
- *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
- *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kê toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kê toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

Phải thu khác: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về thuế TNCN của nhân viên, phải thu chờ ngân sách cấp...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

- Các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Theo thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính từ 01/01/2016 đến nay Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định phục vụ sản xuất, chỉ thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định phục vụ công tác quản lý.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chi bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*Tiếp theo*)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09-DN

7. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

9. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Theo Điều 2 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ thùy lợi được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	241.423.226	293.591.317
Tiền gửi ngân hàng	6.339.592.710	11.138.720.389
Cộng	6.581.015.936	11.432.311.706

2. Phải thu khách hàng

Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ban Quản lý dịch vụ Thủỷ Lợi	102.940.827.590	64.752.378.468
Công ty KTCT Thủỷ lợi Duy Tiên	1.994.426.700	1.994.426.700
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Kim Bảng	1.096.631.000	1.096.631.000
Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủỷ lợi Sông Đáy	3.312.388.780	3.057.821.360
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	830.976.003	842.523.330
Cộng	110.175.250.073	71.743.780.858

3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công Ty TNHH Thương Mại & Xây Lắp Điện Việt Nhật	37.414.046	37.414.046
Trung tâm KH và triển khai kỹ thuật thuỷ lợi	31.495.000	31.495.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và TM Lạc Việt	16.101.000	16.101.000
Công ty CP Tư vấn & XDCT Thủỷ lợi Thủỷ điện	18.389.000	18.389.000
Các đối tượng khác	71.002.040	61.454.790
Cộng	174.401.086	164.853.836

4. Phải thu khác

Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Thương Mại ngôi nhà mới	6.199.316.424	-
Ban duy tu các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	225.797.504	92.964.948
Hợp tác xã huyện Thanh Trì	406.019.370	-
Phải thu chờ ngân sách cấp	-	5.786.348.832
Tạm ứng	-	20.102.100
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	-	1.692.726.000
Phải thu khác	706.764.237	947.244.297
Cộng	7.537.897.535	8.539.386.177

5. Nợ xấu

Trình bày tại phụ lục 1 kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.998.862	5.454.012
Công cụ dụng cụ	503.177.457	449.647.367
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Cộng	594.176.319	455.101.379

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí chờ phân bổ	34.272.585	34.272.585
Cộng	34.272.585	34.272.585

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản được trình bày ở Phụ lục 2.

9. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án "Trụ sở làm việc cơ sở 2 và căn hộ chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại Khu Xa La, Hà Đông, Hà Nội" (*)	-	9.480.310.680
Dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà Sông Nhuệ I tại số 14 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội" (**)	-	44.099.359
Cộng	-	9.524.410.039

(*): Giá trị còn lại của tài sản thanh lý góp vốn hợp tác kinh doanh. Theo Công văn 9800/UBND-KT ngày 15/12/2014 của UBND Hà Nội phê duyệt phương án Công ty góp vốn liên doanh thực hiện dự án bằng tài sản trên đất với Công ty Cổ phần thương mại Ngôi Nhà Mới.

(**): Giá trị còn lại của tài sản thanh lý góp vốn hợp tác kinh doanh. Theo Công văn: 2401/UBND-KT ngày 14/4/2015 của UBND Hà Nội phê duyệt phương án Công ty góp vốn liên doanh thực hiện dự án bằng tài sản trên đất với Công ty cổ phần thương mại Ngôi Nhà Mới.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 Giá trị	Số có khả năng trả nợ	01/01/2021 Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp tu ván- Công ty Thủy lợi Sông Nhuệ	2.098.052.300	2.098.052.300	1.668.180.800	1.668.180.800
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Lắp VÀ Khai Thác Cảng	4.063.679.000	4.063.679.000	3.276.962.000	3.276.962.000
Công ty Cổ phần thương mại Ngôi nhà mới	-	-	985.031.587	985.031.587
Công Ty Cổ Phàn xây Dựng Thế Tiên	1.347.210.000	1.347.210.000	1.411.895.800	1.411.895.800
Công ty Cổ phần xây dựng và công nghệ Hoàng Nam	1.603.573.000	1.603.573.000	1.012.111.000	1.012.111.000
Công ty CPXD và dịch vụ TM Minh Hồng	1.198.630.000	1.198.630.000	922.353.900	922.353.900
Công ty điện lực Phú Xuyên	7.404.971.807	7.404.971.807	5.523.558.571	5.523.558.571
Công ty Điện lực Thanh Trì	685.937.205	685.937.205	995.440.736	995.440.736
Công ty Điện Lực Thường Tín	4.697.534.368	4.697.534.368	3.680.833.696	3.680.833.696
Công ty Điện lực Ứng Hoà	6.866.306.059	6.866.306.059	6.530.089.913	6.530.089.913
Công ty TNHH Cơ điện Thủy lợi Hưng Yên	6.840.488.000	6.840.488.000	3.800.367.000	3.800.367.000
Công ty TNHH một thành viên Hồng Thuỷ	1.707.848.000	1.707.848.000	1.223.975.900	1.223.975.900
Công ty TNHH Xây Dựng Minh Cường	3.589.815.000	3.589.815.000	1.380.117.000	1.380.117.000
Các đối tượng khác	<u>7.747.955.635</u>	<u>7.747.955.635</u>	<u>5.756.315.587</u>	<u>5.756.315.587</u>
Cộng	<u>49.852.000.374</u>	<u>49.852.000.374</u>	<u>38.167.233.490</u>	<u>38.167.233.490</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Thuế phải nộp

	01/01/2021 VND	Số phát sinh tăng VND	Số phát sinh giảm VND	31/12/2021 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.876.355	4.876.349	4.876.355	4.876.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.222.419	49.503.135	26.539.907	46.185.647
Thuế thu nhập cá nhân	30.475.057	19.580.779	36.975.057	13.080.779
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	702.365.022	702.365.022	-
Các loại thuế khác	-	11.121.107	11.121.107	-
Cộng	<u>58.573.831</u>	<u>787.446.392</u>	<u>781.877.448</u>	<u>64.142.775</u>

b. Thuế phải thu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thu sử dụng vốn Ngân sách	24.281.665	24.281.665
Cộng	<u>24.281.665</u>	<u>24.281.665</u>

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ thủy nông	Không chịu thuế
- Hoạt động khác	10%

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn

Cộng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	751.686.867	2.785.168.867
Cộng	751.686.867	2.785.168.867

13. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	966.394.266	997.095.400
Bảo hiểm xã hội	1.455.949.344	3.637.142
Bảo hiểm y tế	365.821.316	15.691.594
Bảo hiểm thất nghiệp	85.963.991	12.968.670
Thủy lợi phí cấp bù cho các HTX nông nghiệp phải trả	9.757.500.094	2.684.450.560
Khoản phải trả khi thu TLP Hà Nam (Chờ phê duyệt)	3.091.057.220	3.091.057.220
Công ty TNHHMTV ĐTPT Thủy lợi Hà Nội	2.364.857.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.576.500	51.576.500
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.808.963.005	1.401.817.163
Cộng	19.948.082.736	8.258.294.249

14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	-	4.935.276.800
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	-	4.935.276.800
Cộng	-	4.935.276.800

- Hạn mức cho vay: Bên vay nhận nợ trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 VND

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng kể từ ngày nhận nợ.

- Lãi suất được thoả thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của bên Vay

- Bảo đảm tiền vay: Quyền phải thu của hợp đồng kinh tế ký với Ban Quản lý Dịch vụ Thủy lợi Hà Nội

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	01/01/2021	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	4.935.276.800	9.519.461.200	14.454.738.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.935.276.800	9.519.461.200	14.454.738.000	-
Cộng	4.935.276.800	9.519.461.200	14.454.738.000	-

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN

15. Vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Tổng doanh thu

- Doanh thu dịch vụ thủy lợi
- Doanh thu tiêu nước khu công nghiệp
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Các khoản giảm trừ doanh thu

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Tổng doanh thu</i>	<u>180.751.952.224</u>	<u>179.320.545.463</u>
- Doanh thu dịch vụ thủy lợi	180.530.025.933	179.179.636.218
- Doanh thu tiêu nước khu công nghiệp	48.763.491	48.763.545
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	173.162.800	92.145.700
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<u>180.751.952.224</u>	<u>179.320.545.463</u>
Cộng		

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	<u>158.157.154.512</u>	<u>153.585.289.500</u>
Cộng	<u>158.157.154.512</u>	<u>153.585.289.500</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng

Cổ tức lợi nhuận sau thuế được chia

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.589.384	24.965.174
Cổ tức lợi nhuận sau thuế được chia	7.157.163.511	-
Cộng	<u>7.182.752.895</u>	<u>24.965.174</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	<u>299.003.148</u>	<u>250.504.170</u>
Cộng	<u>299.003.148</u>	<u>250.504.170</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.647.815.476	9.290.431.700
Chi phí vật liệu quản lý	150.147.900	155.006.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	221.817.900	457.478.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.316.369.789	1.262.866.909
Thuế, phí và lệ phí	765.751.259	796.330.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.081.480.076	1.614.504.748
Chi phí bằng tiền khác	3.958.093.234	3.551.541.749
Cộng	<u>16.141.475.634</u>	<u>17.128.160.604</u>

6. Chi phí khác

Tiền phạt và tiền chậm nộp thuế

Cộng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt và tiền chậm nộp thuế	<u>273.471.640</u>	<u>241.181.786</u>
Cộng	<u>273.471.640</u>	<u>241.181.786</u>

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B09-DN**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	93.110.056.032	96.449.196.085
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	966.001.663	1.072.495.283
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.316.369.789	1.262.866.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.735.809.186	61.370.314.460
Chi phí khác bằng tiền	11.170.393.476	10.558.577.367
Công	174.298.630.146	170.713.450.104

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.490.936.200	1.464.000.000

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có bất kỳ yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ASEAN.

Người lập biểu*Agam***Kế toán trưởng***Vtmy*

Lê Thị Hiền Hường

Nguyễn Hiền Giang

Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kê toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 1: Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
HTX Nông nghiệp Hòa Phú Ứng Hòa (Nợ đóng thủy lợi phí)	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200
Cộng	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 2: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.386.772.286.439	450.311.097.661	26.184.988.852	1.667.604.300	1.864.935.977.252
Tăng do được cấp	19.859.448.926	2.090.333.167	74.341.477	-	22.024.123.570
Tăng do đầu tư xây dựng hoàn thành	-	1.264.752.000	-	-	1.264.752.000
Giảm khác	-	-	(186.566.990)	-	(186.566.990)
Số cuối kỳ	1.406.631.735.365	453.666.182.828	26.072.763.339	1.667.604.300	1.888.038.285.832
Hao mòn luỹ kế					
Số đầu kỳ	50.996.845.981	52.147.872.574	8.011.913.945	328.917.700	111.485.550.200
Khấu hao trong kỳ	1.062.002.659	-	106.010.000	148.357.130	1.316.369.789
Tăng khác	352.046.801	-	-	-	352.046.801
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(5.117.166.603)	-	-	-	(5.117.166.603)
Số cuối kỳ	47.293.728.838	52.147.872.574	8.117.923.945	477.274.830	108.036.800.187
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.335.775.440.458	398.163.225.087	18.173.074.907	1.338.686.600	1.753.450.427.052
Số cuối kỳ	1.359.338.006.527	401.518.310.254	17.954.839.394	1.190.329.470	1.780.001.485.645

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUẬN

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kê toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 3: Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	1.576.521.771.442	1.431.182.170	(6.882.417.578)	-	1.571.070.536.034
Tăng Vốn trong kỳ trước	5.037.745.000	-	-	194.475.696.895	199.513.441.895
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	8.117.152.158	-	8.117.152.158
Phân phối quỹ	-	-	(8.117.152.158)	-	(8.117.152.158)
Tăng khác	34.272.585	-	(688) 241-7578	-	6.916.690.163
Giảm khác	(868.331.337)	-	-	-	(868.331.337)
Số dư cuối kỳ trước	1.580.725.457.690	1.431.182.170	-	194.475.696.895,00	1.776.632.336.755
 Số dư đầu kỳ	1.580.725.457.690	1.431.182.170	-	194.475.696.895	1.776.632.336.755
Tăng vốn trong kỳ	32.393.817.652	-	-	11.003.399.000	43.397.216.652
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	13.014.097.050	-	13.014.097.050
Phân phối quỹ	-	3.796.832.280	(13.014.097.050)	-	(9.217.264.770)
Giảm do kết chuyển tài sản	-	-	-	(24.867.631.319)	(24.867.631.319)
Giảm khác	(186.566.990)	-	-	0	(186.566.990)
Số dư cuối kỳ	1.612.932.708.352	5.228.014.450	-	180.611.464.576	1.798.772.187.378

b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vốn đầu tư của Nhà Nước	1.612.932.708.352	1.580.725.457.690
Cộng	1.612.932.708.352	1.580.725.457.690